



# TIẾP TỤC ĐỔI MỚI TƯ DUY KINH TẾ, CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP TOÀN DIỆN VÀ TOÀN CẦU HOÁ

TS. LƯƠNG MINH VIỆT\*

**K**inh tế Việt Nam đã trải qua nhiều chặng đường phát triển, cả trong thời chiến lẫn thời bình. Nhiều bài học kinh nghiệm về chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế và các mặt hoạt động chính trị, xã hội được đúc rút ra qua các kỳ Đại hội Đảng. Tư duy kinh tế từng bước được đổi mới, mô hình tăng trưởng dần dần được chuyển đổi phù hợp hơn, dần dặt nền kinh tế vượt qua nhiều khó khăn, tạo ra nhiều lợi thế trong tiến trình liên kết kinh tế quốc tế.

Tuy vậy, đứng trước thách thức của thời đại trong bối cảnh hội nhập toàn diện và toàn cầu hoá, đòi hỏi cần tiếp tục đổi mới tư duy kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng để phát huy cao hơn hiệu quả, năng suất và năng lực cạnh tranh trong chuỗi giá trị kinh tế toàn cầu.

### 1. Tư duy kinh tế và kết quả phát triển kinh tế - xã hội trong tiến trình đổi mới đất nước

Trước đổi mới, từ đầu năm 1960 cho đến năm 1986, với quan điểm nhận thức còn bó hẹp xây dựng nền kinh tế theo kiểu “khép kín”, có lúc thì khẳng định lấy công nghiệp nặng làm nền tảng, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ; có lúc thì nhấn mạnh coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp tiến một bước lên sản xuất

lớn XHCN, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng. Những tư duy lý luận đó đã đưa đến việc hình thành mô hình phát triển theo kiểu hướng nội; tự cấp, tự túc; dựa vào những lợi thế về lao động, tài nguyên, đất đai; thực hiện theo phương thức kế hoạch hoá tập trung, hiện vật; bao cấp cả đầu vào và đầu ra sản phẩm với hai thành phần kinh tế cơ bản là quốc doanh và tập thể.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (tháng 12/1986) được đánh dấu như bước ngoặt lịch sử đổi mới tư duy và đường lối phát triển đất nước trong thời kỳ mới, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế; phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN, xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp. Đại hội đã nêu ra hai chặng đường của thời kỳ quá độ tiến lên CNXH; trong đó chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội và xây dựng những tiền đề cần thiết cho công nghiệp hoá; chặng đường tiếp theo là đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá XHCN.

Từ tư duy đó, tư tưởng chủ đạo trong các chính sách phát triển kinh tế - xã hội là giải phóng mọi năng lực sản xuất, khai thác mọi khả năng và tiềm năng các thành

\* Học viện Hành chính



phần kinh tế để phát triển đất nước, theo ba hướng chính sau đây:

*Một là*, chuyển đổi từ chính sách hạn chế tư nhân sang nền kinh tế nhiều thành phần với sự tồn tại của nhiều loại hình sở hữu nhằm phát triển sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội; trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo, kinh tế tư nhân được khuyến khích phát triển.

*Hai là*, từ cơ chế Nhà nước trực tiếp điều khiển các hoạt động của nền kinh tế bằng kế hoạch pháp lệnh, gắn liền với chế độ bao cấp chuyển sang nền kinh tế thị trường với sự quản lý của Nhà nước ở tầm vĩ mô, bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh của từng doanh nghiệp, mọi cơ sở sản xuất - kinh doanh trong các thành phần kinh tế.

*Ba là*, từ cơ cấu kinh tế khép kín, mang nặng tính tự cấp, tự túc, tách biệt với kinh tế khu vực, kinh tế quốc tế chuyển sang kinh tế phát triển với hệ thống kinh tế mở đối với trong nước và ngoài nước.

Trong những kỳ Đại hội Đảng tiếp theo, trên cơ sở tổng kết tình hình thực tiễn của đất nước, tư duy kinh tế không ngừng được đổi mới và hoàn thiện dần từng bước, phù hợp hơn với thực tiễn của đất nước. Các chủ trương và mục tiêu phát triển cùng với các chính sách và giải pháp kinh tế được quán triệt trong từng thời kỳ, như:

- Trên cơ sở giữ vững độc lập tự chủ, mở rộng hợp tác quốc tế, *xây dựng nền kinh tế mở cả trong và ngoài nước*, đa phương hoá và đa dạng hoá quan hệ kinh tế với nước ngoài.

- *Kiên trì chiến lược hướng mạnh vào xuất khẩu*, đồng thời thay thế nhập khẩu những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả; phát huy lợi thế so sánh, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

- *Chú trọng quy mô vừa và nhỏ*, vốn đầu tư ít, thu hồi vốn nhanh; xây dựng một số công trình quy mô lớn cần thiết và có hiệu quả.

- *Huy động nhiều nguồn vốn*, trong đó nguồn vốn trong nước là quyết định, nguồn vốn bên ngoài là quan trọng; bảo đảm sử dụng vốn có hiệu quả. Vay phải tính đến trả, không để nợ nần chồng chất.

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNHHĐH) nông nghiệp và kinh tế nông thôn; phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Đây là bước tiến quan trọng trong tư duy lý luận đã được thực tiễn chứng minh về tính đúng đắn qua những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội đã đạt được. Nhìn lại chặng đường đổi mới hơn 30 năm qua, tình hình kinh tế - xã hội của đất nước đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng và đáng khích lệ. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của kinh tế - xã hội đã được tạo dựng đáng kể trong tất cả các vùng, các ngành. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển biến tích cực, văn hoá, xã hội phát triển:

- Trong kế hoạch 5 năm (2001 - 2005), tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm là 7,5%/năm. Năm năm tiếp đó (2006 - 2010), nền kinh tế vẫn giữ được nhịp độ tăng trưởng bình quân 7%/năm. Quy mô nền kinh tế đã được nâng lên, mặt bằng kinh tế - xã hội được cải thiện. GDP năm 2010 đã gấp hai lần so với năm 2000, GDP bình quân đầu người đã xấp xỉ bằng 1.200 USD. Nước ta đã ra khỏi tình trạng kém phát triển.

- Chính trị xã hội ổn định. Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN gắn với hội nhập kinh tế quốc tế bước đầu đã hình thành và vận hành có hiệu quả. Các quan hệ quốc tế và mối giao lưu hàng hoá trên thị trường thế giới đã được mở rộng.

- Các mặt xã hội đều có bước phát triển. Công tác xoá đói, giảm nghèo đạt được nhiều kết quả và trở thành phong trào sâu rộng trong quần chúng nhân dân, thực sự giúp các hộ nghèo giảm bớt khó khăn, từng bước tự vươn lên thoát cảnh đói



nghèo và hoà nhập với cộng đồng. Đời sống nhiều vùng dân cư có cải thiện là nhân tố góp phần tạo ra động lực mới thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh, ổn định và bền vững trong thời gian tới.

Tuy vậy, việc đổi mới trong thời gian qua chỉ dừng lại ở mức giải phóng lực lượng sản xuất đã bị trói buộc quá lâu trong cơ chế quan liêu bao cấp suốt thời gian dài trước đó nhưng mô hình tăng trưởng chuyển đổi chậm chưa làm bật dậy khả năng mới để đưa mặt bằng phát triển kinh tế - xã hội đạt được những thành tựu to lớn hơn, hiệu quả và bền vững hơn. Thành tựu đó còn chưa trọn vẹn và bị hạn chế ở các mặt:

- Tăng trưởng vẫn dưới mức tiềm năng; hiệu quả và chất lượng thấp; chưa bảo đảm phát triển bền vững; chưa tạo lập được những cơ sở tiền đề cần thiết để đẩy mạnh CNHHĐH rút ngắn giai đoạn tiếp theo.

- Kinh tế vĩ mô vẫn tiềm ẩn những nguy cơ bất ổn định lớn, thể hiện rõ nhất trong hoạt động của hệ thống tài chính - ngân hàng; đầu tư kém hiệu quả; doanh nghiệp nhà nước chưa phát huy hết vai trò và tính chủ quản của mình.

- Nền tảng cho bước phát triển cao hơn, nhanh hơn và có chất lượng hơn trong các thời kỳ chiến lược sắp tới còn yếu và thiếu nhiều. Mô hình tăng trưởng chậm chuyển đổi.

- Việc kết hợp phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội còn nhiều hạn chế. Nhiều vấn đề về xã hội còn rất bức xúc.

## 2. Tiếp tục đổi mới tư duy kinh tế và mô hình tăng trưởng

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong 10 năm tới phải thể hiện tính tất yếu của thời đại trong tiến trình phát triển của thế giới. Phải vượt qua những khó khăn, hạn chế do tính đặc thù của một nền kinh tế sản xuất nhỏ, lạc hậu để hoà đồng phát triển có hiệu quả trong chiến lược kinh tế toàn cầu, mà trước hết là với các nền kinh tế trong khu vực.

Điều đó đặt ra yêu cầu rất cao cho giai đoạn phát triển mới, hướng tới việc thực hiện các mục tiêu chiến lược đến năm 2020.

*Trước hết*, cần tiếp tục đổi mới tư duy phát triển. Cùng với việc kế tục và phát triển đường lối đổi mới đã được vạch ra, sẽ tiếp tục làm sống động và nâng cao tư duy phát triển lên tầm chiến lược, bao gồm cả tư duy kinh tế, tư duy tổ chức quản lý, tư duy chính trị trên toàn hệ thống; gắn tư duy phát triển đất nước với những nguyên tắc và những quy luật phát triển kinh tế toàn cầu.

Trên cơ sở đó, đẩy nhanh tiến trình cải cách kinh tế một cách toàn diện hơn, sâu và rộng hơn, đi vào những vấn đề với mức độ khó khăn, phức tạp hơn thời kỳ chiến lược trước, như: thể chế kinh tế, động lực phát triển, sở hữu, phân phối lợi ích, độc lập tự chủ... nhằm tạo ra động lực có tính đột phá trong thời kỳ chiến lược, đưa nền kinh tế chuyển sang giai đoạn phát triển mới trong bối cảnh hội nhập toàn diện và toàn cầu hoá.

*Thứ hai*, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiện đại. Tư duy về cơ cấu kinh tế cần được đổi mới. Cơ cấu kinh tế trong phạm vi hội nhập phải phát huy triệt để lợi thế của đất nước, nhằm tăng khả năng cạnh tranh của quốc gia so với các nước trong khu vực và toàn cầu. Cơ cấu kinh tế trong nội bộ từng tỉnh, từng vùng trong nước phải góp phần phát huy lợi thế và tính cạnh tranh của cả nước.

Phát triển nền kinh tế tri thức, nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, xây dựng các cơ chế, chính sách phù hợp với kinh tế trong nước và tập quán quốc tế, để thúc đẩy phát triển trong nội bộ nền kinh tế với khả năng thực hiện CNH rút ngắn.

*Thứ ba*, đặt CNHHĐH đất nước trong bối cảnh hội nhập và phát triển bền vững, phát huy lợi thế so sánh của đất nước; kết nối cơ cấu kinh tế trong nước với cơ cấu kinh tế trong khu vực và trên thế giới; nhằm tạo ra và tận dụng những cơ hội



trong quá trình phân công, hợp tác và liên kết liên doanh phát triển toàn cầu.

*Thứ tư*, xác định các bước đột phá trong cơ chế, chính sách và hội nhập. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, đẩy lùi quan liêu, tham nhũng. Thực hiện quy chế dân chủ và công khai ở cơ sở và các cấp chính quyền; kiện toàn hợp lý tổ chức bộ máy nhà nước. Nhanh chóng thực hiện việc tách chức năng quản lý nhà nước và quản lý sản xuất - kinh doanh ở các bộ, ngành trung ương.

Tái cơ cấu kinh tế gắn liền với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao hiệu quả, năng suất và năng lực cạnh tranh là điều tất yếu trước xu thế phát triển của thời đại; thể hiện sự đổi mới về tư duy chiến lược; xuất phát từ thực tiễn đòi hỏi của đất nước, nhằm tạo ra những bước đột phá về cơ chế, chính sách, về hệ thống quản lý và điều hành để phát triển nhanh hơn, có chất lượng và bền vững hơn, góp phần liên kết có hiệu quả hơn với chuỗi giá trị toàn cầu. Trong 5 năm đầu (2011 - 2015) của thời kỳ Chiến lược 10 năm (2011 - 2020), việc tái cơ cấu kinh tế được ưu tiên tập trung vào ba lĩnh vực:

*Một là*, tái cơ cấu thị trường tài chính với trọng tâm là tái cơ cấu hệ thống các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính, loại bỏ các nguy cơ mất an toàn trong hệ thống tài chính, ngân hàng nói riêng và các cân đối vĩ mô của nền kinh tế nói chung; bảo đảm sự hoạt động thông suốt của toàn hệ thống; triển khai các chính sách tài chính, tiền tệ tích cực đã được đổi mới đến các chủ thể hoạt động trong kinh tế - xã hội của đất nước

*Hai là*, tái cơ cấu đầu tư mà trọng tâm là đầu tư công, tập trung đổi mới cơ bản các cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực phát triển của đất nước trong tất cả các thành phần kinh tế, đổi mới cơ chế, chính sách phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn lực công trong xây dựng cơ bản

theo hướng tập trung, có hiệu quả, thu hút được nhiều nguồn lực đầu tư toàn xã hội.

*Ba là*, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước mà trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, tập trung phân loại, đánh giá hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực sản xuất - kinh doanh và các doanh nghiệp nhà nước phục vụ công ích; sắp xếp, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, xoá bỏ độc quyền trong kinh doanh, thiết lập cơ chế quản lý hiện đại trong các doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty nhà nước...

Nhìn trên giác độ mô hình phát triển thì tái cơ cấu kinh tế trong ba lĩnh vực nêu trên liên quan khăng khít và có tác động tương hỗ với nội dung chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao hiệu quả, năng suất và năng lực cạnh tranh. Thực hiện tốt và có hiệu quả tái cơ cấu nền kinh tế sẽ tự thân nó có những tác động mạnh mẽ đến mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao hiệu quả, năng suất và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và ngược lại.

Nền kinh tế nước ta trong khoảng một thời gian dài thực hiện mô hình tăng trưởng “thiên về cung”, phát triển theo chiều rộng, mà biến số chủ yếu là vốn, lao động và các nhân tố sản xuất, trong đó có yếu tố khoa học và công nghệ. Hàm tăng trưởng có thể biểu diễn như sau:

$$f(\text{GDP}) = f(\text{vốn, lao động, TFP})$$

Yếu tố vốn, thông qua việc mở rộng đầu tư vẫn được coi là một nhân tố quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế. Trong quá trình đổi mới nền kinh tế, khi lực lượng sản xuất đã được giải phóng, vốn đưa vào nền kinh tế đã được huy động khá hơn, thu hút được nhiều hơn nguồn vốn từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước; cơ sở vật chất kỹ thuật trong các ngành sản xuất, dịch vụ được tạo lập khá dồi dào; vốn thông qua việc mở rộng đầu tư đã tác động phần lớn đến tăng trưởng. Nhân tố lao động, với sự cải thiện đáng kể về lực lượng, cơ cấu và năng suất lao động đã góp



phần không nhỏ cho tăng trưởng kinh tế thời gian qua; riêng về các nhân tố sản xuất (TFP), đặc biệt là khoa học và công nghệ, đóng góp cho tăng trưởng còn thấp; điều đó là dư địa cần phát huy trong thời gian tới, nhờ thực hiện tốt ba chương trình tái cơ cấu kinh tế.

Những năm trước đổi mới và những thập kỷ đầu sau đổi mới, mô hình phát triển theo chiều rộng nêu trên đã có những tác động tích cực, nâng cao mặt bằng kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, những năm gần đây và nhất là trước yêu cầu của thời đại CNHHĐH, các yếu tố tăng trưởng theo chiều rộng đã đến mức giới hạn cả về chất lượng, số lượng; giảm dần về tính hiệu quả và bền vững. Mặc dù nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội được huy động khá lớn (trong 5 năm 2006 - 2010, bình quân vốn đầu tư toàn xã hội chiếm đến 42,7% GDP) nhưng hiệu quả đầu tư, nhất là đầu tư công còn thấp; chất lượng và năng suất lao động còn nhiều hạn chế, mặt bằng công nghệ không cao; trong khi đó các động lực tăng trưởng theo chiều sâu, chưa được khai thác triệt để.

Bài toán đặt ra là cần nhanh chóng chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao hiệu quả, năng suất và năng lực cạnh tranh, cần thiết lập mối quan hệ hài hoà, hợp lý giữa các nhân tố tác động đầu vào trong mô hình tăng trưởng theo chiều rộng với các nhân tố tác động đầu ra, theo chiều sâu của nền kinh tế.

Chỉ tiêu tổng hợp nhất phản ánh kết quả cuối cùng các hoạt động sản xuất - kinh doanh của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định là giá trị gia tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) được tính theo ba phương pháp: phương pháp sản xuất, phương pháp sử dụng và phương pháp thu nhập<sup>1</sup>. Theo đó, các nhân tố tác động vào mô hình tăng trưởng GDP, bao gồm cả các yếu tố đầu vào (theo chiều rộng) và đầu ra (theo chiều sâu). Để tạo động lực tăng trưởng theo chiều sâu, cần thiết phải tập trung thực hiện các giải pháp sử dụng

nguồn vốn đầu tư có hiệu quả, theo hướng hiện đại; đúng mục tiêu chương trình tái cơ cấu đầu tư đặt ra, nâng cao chất lượng hàng hoá, giảm tiêu hao vật chất, hạ giá thành; nâng cao hàm lượng kỹ thuật và công nghệ hiện đại trong chu trình sản xuất từng sản phẩm... Gắn liền với đó, là kích cầu tiêu dùng hàng hoá và dịch vụ ngay trên thị trường nội địa; nâng cao sức mua có khả năng thanh toán của các tầng lớp dân cư, nhất là dân cư có thu nhập thấp; mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hoá chế biến sâu, có hàm lượng quốc gia cao...

Nội dung kích cầu, mục tiêu cuối cùng là nâng mức tổng cầu - tổng cung hàng hoá xã hội để kích thích sản xuất phát triển, nâng cao mức sống cho mọi người dân. Hiện nay, lượng hàng hoá sản xuất ra trên đất nước ta chưa nhiều nhưng đã bắt đầu xuất hiện những hiện tượng dư thừa, tồn kho tương đối lớn trong một số sản phẩm tiêu dùng, trong khi đó, nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của dân cư không phải chỉ dừng lại ở mức như hiện nay.

Nhu cầu tiêu dùng thực sự của dân cư (chỉ tính những nhu cầu thiết yếu hợp lý về ăn, mặc, ở, học hành, chữa bệnh) còn khá lớn nhưng sức mua có khả năng thanh toán của dân cư, nhất là các tầng lớp dân cư có thu nhập thấp đang còn có khoảng cách quá xa với nhu cầu đòi hỏi để họ cải thiện được cuộc sống hiện tại. Đây cũng là một thực trạng, đồng thời cũng là dư địa tiềm năng cần được khai thác.

Việc tiếp tục thực hiện những giải pháp kích cầu tiêu dùng với những cơ chế, chính sách hỗ trợ các tầng lớp dân cư, nhất là dân cư có thu nhập thấp sẽ làm tăng sức tiêu thụ hàng hoá trên thị trường nội địa; giải quyết đầu ra sản phẩm sản xuất trong nước, thúc đẩy phát triển kinh tế và sẽ tác động tích cực vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao rõ rệt mức sống dân cư. Do vậy, cần tiếp tục thực hiện một số giải pháp sau:

*(Xem tiếp trang 13)*



định kinh tế vĩ mô, xử lý các vấn đề lạm phát, thâm hụt thương mại, củng cố khả năng quản lý, sự năng động của hệ thống tài chính - tiền tệ. Đầu tư, đổi mới công nghệ và năng lực quản trị kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hoá, dịch vụ Việt Nam.

*Thứ hai*, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, đi đôi với việc cải cách hành chính, nâng cao tính hiệu quả của hệ thống chính sách, bộ máy và cơ chế quản lý. Tiếp tục hoàn thiện các yếu tố kinh tế thị trường, các loại hình thị trường, để được công nhận có nền kinh tế thị trường trước thời hạn ngày 31/12/2018.

*Thứ ba*, đầu tư mạnh mẽ cho giáo dục đào tạo với chiến lược dài hạn nhằm có đội ngũ công chức, chuyên gia, công nhân lành nghề thực sự có chất lượng.

*Thứ tư*, đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp cán bộ, cộng đồng doanh nghiệp, toàn dân, giúp họ hiểu được quyền lợi và nghĩa vụ trong quá trình hội nhập. Từ đó có sự đồng thuận, chủ động thực hiện các chính sách theo lộ trình hội nhập.

*Thứ năm*, thực hiện đầy đủ các cam kết, các nghĩa vụ với WTO và các tổ chức kinh tế quốc tế khác mà Việt Nam là thành viên □

## TIẾP TỤC ĐỔI MỚI TƯ DUY KINH TẾ,...

(Tiếp theo trang 7)

- Nâng cao mặt bằng thu nhập và mặt bằng tiêu dùng; xử lý hài hoà, hợp lý mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng; cải thiện chất lượng và hiệu quả sử dụng quỹ tích lũy và quỹ tiêu dùng trong tổng thể bài toán tái cơ cấu kinh tế để kích thích tăng trưởng kinh tế theo hướng nâng cao hiệu quả, năng suất và năng lực cạnh tranh.

- Đầu tư theo chiều sâu, nâng cao mặt bằng công nghệ; cải thiện một bước quan trọng chất lượng nguồn nhân lực và năng suất lao động; đồng bộ hoá kết cấu hạ tầng...

- Đổi mới chính sách, tài chính tiền tệ như chính sách thuế, chính sách giá và tỷ giá, mở rộng chính sách hỗ trợ lãi suất cho vay tiêu dùng, thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ viện phí, học phí cho các tầng lớp thu nhập thấp; xoá bỏ sự đóng góp bất hợp lý theo "lệ làng" cho dân, tăng sức mua có khả năng thanh toán của dân cư thu nhập thấp,...

- Đổi mới cơ chế quản lý thị trường theo hướng thông thoáng, khuyến khích việc

lưu chuyển hàng hoá từ nơi thừa đến nơi thiếu trên thị trường nội địa, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Phát triển thị trường nội địa rộng khắp đi đôi với việc mở rộng thị trường và nâng cao chất lượng hàng hoá và dịch vụ xuất khẩu; tạo khả năng tăng cao mức tiêu thụ hàng hoá trong thị trường nội địa và trên thị trường quốc tế □

Chú thích:

1. Theo phương pháp sản xuất, tổng sản phẩm trong nước bằng tổng giá trị tăng thêm của tất cả các ngành kinh tế cộng với thuế nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ từ nước ngoài. Giá trị tăng thêm của từng ngành và từng thành phần kinh tế bằng giá trị sản xuất trừ đi chi phí trung gian.

Theo phương pháp sử dụng (còn gọi là sử dụng tổng sản phẩm trong nước), tổng sản phẩm trong nước là tổng của tiêu dùng cuối cùng, tích lũy tài sản và chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ (+ xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ - nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ).

Theo phương pháp thu nhập, tổng sản phẩm trong nước tính theo phương pháp thu nhập bằng tổng các yếu tố sau: thu nhập của người lao động từ sản xuất; thuế, trợ cấp sản xuất; khấu hao tài sản cố định; thặng dư, thu nhập hỗn hợp.